

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/DS-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ.

2. Ông Nguyễn Văn Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 596/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tran Kim N, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyen Van Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B, đường H, Khu phố 4, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Diep Thanh D, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 690, Tổ 81, Khu phố 9, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Dương, vắng mặt.

3.2. Chị Vo Thi Tuyen N, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ 1A, Khu phố 1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.3. Ông Nguyen Phuoc Tr; địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 và Q trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

Bà Tran Kim N và ông Nguyen Van Q không có mối quan hệ gì chỉ quen biết, qua sự quen biết ông Q biết việc bà N cho vay tiền nên hỏi vay. Bà N cho ông Q vay

tiền 03 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần thứ nhất vào ngày 03/02/2023, bà N cho ông Q vay 10.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Từ khi vay đến nay ông Q chưa trả cho bà N số tiền gốc và lãi nào. Ông Q có đưa cho bà N bản chính 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61N1-114.51 do chị Vo Thi Tuyen N đứng tên và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61B2-095.16 do ông Diep Thanh D đứng tên.

- Lần thứ hai vào ngày 21/02/2023, bà N cho ông Q vay số tiền 10.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Mặc dù trên giấy vay tiền để thời gian là 01 tháng nhưng thực tế ông Q nói trả góp theo ngày nhưng không thực hiện. Từ khi vay đến nay ông Q chưa trả cho bà N số tiền gốc và lãi nào. Lần vay này ông Q có giao cho bà N bản chính 01 giấy đăng ký xe ô tô biển số 72A-120.08 do ông Nguyen Phuoc Tr đứng tên.

- Lần thứ ba vào ngày 08/3/2023, bà N cho ông Q vay số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Mặc dù trên giấy vay tiền để thời hạn là 01 tháng nhưng thực tế ông Q nói trả góp theo ngày nhưng không thực hiện. Từ khi vay đến nay ông Q chưa trả cho bà N số tiền gốc và lãi nào. Lần vay này ông Q không giao cho bà N tài sản hay giấy tờ gì.

Hiện nay ông Q còn nợ bà N số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, ông Q cố tình né tránh không trả tiền cho bà N do đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyen Van Q phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Q trình hoà giải ông Q thừa nhận vay của bà N 03 lần số tiền 40.000.000 đồng và cho rằng đã thanh toán tiền cho bà N số tiền vay của lần thứ 2 là 10.000.000 đồng và lần thứ 3 là 9.600.000 đồng còn nợ lại số tiền 20.400.000 đồng và chỉ đồng ý trả bà N số tiền này là hoàn toàn không đúng sự thật vì nếu ông Q đã trả tiền thì tại sao không lấy lại các giấy tờ cầm cho bà N. Trường hợp ông Q cho rằng trả tiền cho bà N thì bà N yêu cầu ông Q phải cung cấp chứng cứ chứng minh.

Bà N đồng ý trả cho ông Nguyen Van Q các giấy tờ bà N đang giữ của ông Q gồm: 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 72A-120.08 do ông Nguyen Phuoc Tr đứng tên, 01 bản chính giấy đăng ký xe biển số 61N1-114.51 do chị Vo Thi Tuyen N đứng tên, 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61B2-095.16 do ông Diep Thanh D đứng tên và 01 bản chính căn cước công dân của ông Nguyen Van Q.

Những giấy tờ mà bà N giữ của ông Q là do ông Q giao cho bà N, bà N hoàn toàn không biết và không có mối quan hệ gì với ông Nguyen Phuoc Tr, ông Diep Thanh D và cháu Vo Thi Tuyen N nên không cung cấp thông tin về nơi cư trú của những người này cho Tòa án được.

*** Bị đơn ông Nguyen Van Q trình bày:**

Ông Nguyen Van Q và bà Tran Kim N không có mối quan hệ gì với nhau chỉ quen biết. Ông Q có vay tiền của bà Tran Kim N 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất vào ngày 03/02/2023, vay 10.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 10%/tháng. Ông Q có thể chấp cho bà N bản chính 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 72A-120.08 do ông Nguyen Phuoc Tr đứng tên và bản chính căn cước công dân của ông Q. Số tiền này ông Q đã trả được cho bà N 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng 1.000.000 đồng, khi trả lãi ông Q đưa trực tiếp cho bà N

không làm giấy tờ giao nhận tiền và không có người làm chứng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng ông Q chưa trả. Giấy vay tiền do con bà N viết ông Q chỉ ký và ghi họ tên, chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy mượn tiền mà Toà án cho ông Q xem chính là của ông Q.

- Lần thứ hai ông Q vay thêm bà N số tiền 10.000.000 đồng, ông Q không nhớ ngày vay. Hình thức trả tiền là trả góp mỗi ngày 400.000 đồng và góp 28 ngày. Số tiền này ông Q đã trả góp đủ cho bà N và không thể chấp giấy tờ gì. Ông Q trả tiền trực tiếp cho bà N, không lập giấy tờ giao nhận tiền và không có người làm chứng. Khi vay tiền con bà N viết giấy vay và ông Q ký ghi họ tên, chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền là của ông Q.

- Lần thứ ba: Sau khi trả góp đủ số tiền 10.000.000 đồng vay vào lần thứ hai, ông Q mượn bà N số tiền 20.000.000 đồng, lần bao nhiêu ông Q không nhớ nên không rõ chỉ nhớ là vay dưới hình thức trả là góp theo ngày, mỗi ngày 800.000 đồng và góp 28 ngày. Số tiền này đã trả góp cho bà N được 12 ngày, mỗi ngày là 800.000 đồng. Tổng số tiền ông Q đã trả cho bà N là 9.600.000 đồng, ông Q không biết tính nên không xác định được trả được bao nhiêu tiền lãi, bao nhiêu tiền gốc. Ông Q có thể chấp cho bà N 01 bản chính giấy đăng ký xe biển số 61N1-114.51 do chị Vo Thi Tuyen N đứng tên và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61B2-095.16 do ông Diep Thanh D đứng tên. Hiện nay đối với số tiền vay này ông Q còn nợ lại là 10.400.000 tiền gốc. Khi mượn tiền có viết giấy vay do con bà N viết dùm và ông Q ký ghi họ tên, chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông Q. Do tin tưởng lên khi trả tiền cho bà N ông Q đưa trực tiếp và không làm giấy tờ gì.

Hiện nay ông Q còn nợ bà N số tiền gốc là 20.400.000 đồng bao gồm số tiền vay lần đầu là 10.000.000 đồng và số tiền vay lần thứ ba còn lại là 10.400.000 đồng. Qua yêu cầu khởi kiện của bà N, ông Q chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ lại là 20.400.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Bà N còn giữ của ông Q 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 72A-120.08 do ông Nguyen Phuoc Tr đứng tên, 01 bản chính giấy đăng ký xe biển số 61N1-114.51 do chị Vo Thi Tuyen N đứng tên, 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61B2-095.16 do ông Diep Thanh D đứng tên, bản chính căn cước công dân của ông Q. Ông Q yêu cầu bà N phải trả lại hết các giấy tờ trên cho ông Q.

- Xe ô tô biển số 72A-120.08 do ông Nguyen Phuoc Tr đứng tên nhưng ông Q mua lại được khoảng hơn 02 năm, khi mua có làm giấy tay nhưng ông Q đã làm mất giấy tờ. Hiện nay ông Q đang quản lý và sử dụng xe.

- Xe mô tô biển 61N1-114.51 do chị Vo Thi Tuyen N đứng tên có một người ông Q không rõ họ tên nhờ ông Q làm lại giấy tờ xe cho chị Nhi nhưng không đến lấy giấy tờ nên ông Q đưa bà N làm tin, ông Q không biết địa chỉ của chị Nhi cũng như người nhờ ông Q đi làm giấy tờ xe.

- Xe mô tô biển 61B2-095.16 do ông Diep Thanh D đứng tên có một người ông Q không rõ họ tên nhờ ông Q làm lại giấy tờ xe cho ông Dương nhưng không đến lấy giấy tờ nên ông Q đưa bà N làm tin, ông Q không biết địa chỉ của ông Dương cũng như người nhờ ông Q đi làm giấy tờ xe.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Tran Kim N vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyen Van Q đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diep Thanh D, chị Vo Thi Tuyen N và ông Nguyen Phuoc Tr đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; Xác định tư cách tham gia tố tụng; Giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thu thập tài liệu chứng cứ; Tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về việc giải quyết vụ án: Theo Giấy mượn tiền ngày 03/02/2023, ngày 21/02/2023 và ngày 08/3/2023 thì ông Q đã vay của bà N tổng số tiền là 40.000.000 đồng, trong các giấy mượn tiền ông Q đều có ký tên và lấn tay. Mặt khác, ông Q cũng thừa nhận có vay của bà N tổng số tiền 40.000.000 đồng. Ông Q cho rằng đã thanh toán cho bà N 19.600.000 đồng và chỉ còn nợ 20.400.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh về việc đã trả tiền cho bà N. Do đó, có cơ sở xác định ông Q còn nợ bà N số tiền 40.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông Q trả số tiền đã mượn là 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 09 tháng 10 năm 2023, bà Tran Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyen Van Q phải trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng mà bà N cho ông Q vay theo các giấy mượn tiền ngày 03/2/2023, 21/2/2023, 08/3/2023; không yêu cầu trả lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2]. Về thẩm quyền: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyen Van Q đang cư trú tại phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn bà Tran Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyen Van Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diep Thanh D, chị Vo Thi Tuyen N và anh Nguyen Phuoc Tr đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về số nợ gốc: Nguyên đơn bà Tran Kim N trình bày có cho ông Nguyen Van Q vay tiền 03 lần tổng số tiền là 40.000.000 đồng, cụ thể:

[2.1.1]. Lần thứ nhất vào ngày 03/02/2023, bà N cho ông Q vay 10.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Từ khi vay đến nay ông Q chưa trả cho bà N số tiền gốc và lãi. Ông Q có giao cho bà N bản chính 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61N1-114.51 do chị Vo Thi Tuyen N đứng tên và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61B2-095.16 do ông Diep Thanh D đứng tên.

[2.1.2]. Lần thứ hai vào ngày 21/02/2023, bà N cho ông Q vay số tiền 10.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Mặc dù trên giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay là 01 tháng nhưng thực tế ông Q nói trả góp theo ngày nhưng không thực hiện. Từ khi vay đến nay ông Q chưa trả cho bà N tiền gốc và lãi. Lần vay này ông Q có giao cho bà N bản chính 01 giấy đăng ký xe ô tô biển số 72A-120.08 do ông Nguyen Phuoc Tr đứng tên và 01 căn cước công dân của ông Nguyen Van Q.

[2.1.3]. Lần thứ ba vào ngày 08/3/2023, bà N cho ông Q vay số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Mặc dù trên giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay là 01 tháng nhưng thực tế ông Q nói trả góp theo ngày nhưng không thực hiện. Từ khi vay đến nay ông Q chưa trả gốc và lãi cho bà N. Lần vay này ông Q không giao cho bà N tài sản hay giấy tờ gì.

[2.1.4]. Ông Nguyen Van Q thống nhất có vay của bà N 03 lần với tổng số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Bà Tran Kim N thống nhất hiện nay còn giữ của ông Nguyen Van Q bản chính: giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 61017501 đối với xe mô tô biển số 61B2-095.16 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/03/2022 cho ông Diep Thanh D; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 61000061 đối với xe mô tô biển số 61N1-114.51 do Công an thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/06/2022 cho chị Vo Thi Tuyen N; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056932 đối với xe ô tô biển số 72A-120.08 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13/02/2020 cho ông Nguyen Phuoc Tr; căn cước công dân mang tên ông Nguyen Van Q. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1.5]. Bà Tran Kim N cho rằng sau khi vay tiền, ông Nguyen Van Q không thanh toán tiền cho bà N theo đúng thời gian thỏa thuận nên bà N khởi kiện yêu cầu ông Nguyen Van Q phải trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bị đơn ông Nguyen Van Q cho rằng có vay tiền của bà N 03 lần, cụ thể: Lần 01 vay số tiền 10.000.000 đồng, lần 02 vay số tiền 10.000.000 đồng và lần thứ 3 vay số tiền 20.000.000 đồng; sau khi vay tiền ông Q đã trả được bà N số tiền 10.000.000 đồng vay lần thứ 2 và 9.600.000 đồng của số tiền vay lần thứ 3. Ông Q xác định hiện nay chỉ còn nợ bà N số tiền 20.400.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền nợ gốc là 20.400.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Xét thấy, ông Nguyen Van Q cho rằng nhiều lần trả tiền bà N và đã trả được 19.600.000 đồng, ông Q đưa trực tiếp bằng tiền mặt cho bà N nhưng không được bà N thừa nhận và không có chứng cứ để chứng minh đã trả tiền cho bà N nên lời trình bày của ông Q là không có căn cứ. Do đó, có căn cứ xác định ông Nguyen Van Q còn nợ bà Tran Kim N số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng.

[2.1.6]. Theo các giấy mượn tiền lập ngày 3/02/2023, 21/02/2023 và 08/03/2023 đều thể hiện thời hạn vay là 01 tháng nhưng hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày vay ông Q không trả tiền cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc bà

Tran Kim N khởi kiện yêu cầu ông Nguyen Van Q phải trả số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về lãi suất: Các đương sự không có tranh chấp về lãi suất nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tran Kim N đối với bị đơn ông Nguyen Van Q, ông Q có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

[3] Bà Tran Kim N đồng ý trả cho ông Nguyen Van Q bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 72A-120.08 do ông Nguyen Phuoc Tr đứng tên; 01 bản chính giấy đăng ký xe biển số 61N1-114.51 chị bà Vo Thi Tuyet N đứng tên; 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 61B2-095.16 do ông Diep Thanh D đứng tên; bản chính căn cước công dân của ông Nguyen Van Q nên ghi nhận.

[4]. Tại phiên tòa, ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Tran Kim N không phải chịu án phí; bị đơn ông Nguyen Van Q phải chịu án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 40.000.000 đồng tương đương với án phí là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tran Kim N đối với bị đơn ông Nguyen Van Q về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

- Ông Nguyen Van Q có trách nhiệm trả cho bà Tran Kim N số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Bà Tran Kim N trả lại cho ông Nguyen Van Q bản chính: giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 61017501 đối với xe mô tô biển số 61B2-095.16 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/03/2022 cho ông Diep Thanh D; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 61000061 đối với xe mô tô biển số 61N1-114.51 do Công an thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/06/2022 cho chị Vo Thi Tuyet N; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 056932 đối với xe ô tô biển số 72A-120.08 do Phòng cảnh sát giao thông công an

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13/02/2020 cho ông Nguyễn Phước Tr; căn cước công dân số 074073006609 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/05/2022 cho ông Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Q phải chịu số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng);
- Bà Trần Kim N thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga